

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 23 - 02 - 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thu Giang

Các Thẩm phán: Ông Ngôn Ngọc Viên

Bà Lê Na .

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Chung Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2023/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 55/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chu Thị M - sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số nhà C, Tổ A, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; (*Có mặt tại phiên tòa*).

- *Bị đơn:* Dương Văn T - sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số nhà C, Tổ A, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; (*Có mặt tại phiên tòa*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thị T1 thuộc văn phòng luật sư Nguyễn Thị T1, Đoàn luật sư tỉnh Cao Bằng.

Địa chỉ: Số nhà C, tổ A, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; (Có mặt tại phiên tòa).

- Người kháng cáo: Bị đơn Dương Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2023 và Biên bản hòa giải ngày 03/8/2023, nguyên đơn Chu Thị M trình bày:

Chị và anh Dương Văn T kết hôn với nhau ngày 11/4/2006 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình. Hai người đã tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Về quá trình chung sống của vợ chồng: Sau khi cưới, vợ chồng chị có cuộc sống hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh và sống ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp và không thống nhất trong cách chăm sóc, giáo dục con. Bên cạnh đó anh T còn có thái độ coi thường, hay chửi mắng, dọa dẫm, xúc phạm bố mẹ chị; bêu riếu, kể xấu chị với hàng xóm. Khi xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã tự hòa giải và cũng đã được gia đình hai bên góp ý, khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Tại tòa chị xác định không còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nữa, nên đề nghị được ly hôn.

Về con chung: chị và anh T có 02 con chung là: Dương Minh T2 - sinh ngày 02/3/2007 (Giới tính: Nữ) và Dương Minh H - sinh ngày 30/01/2013 (Giới tính: Nam), các cháu đang ở tại nhà của chị. Hiện nay chị Chu Thị M công tác tại Chi cục Thuế huyện Q, tỉnh Cao Bằng, thu nhập là 12.000.000đ/tháng. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 cháu cho đến khi đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại Bản tự khai và và Biên bản hòa giải ngày 03/8/2023, anh Dương Văn T trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị M trình bày là đúng, anh không bổ sung gì thêm. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, không có việc cãi, chửi, đánh nhau. Hiện nay, vợ chồng anh vẫn chung sống cùng nhau (tại nhà của chị M) và chưa ly thân. Tại tòa, anh không nhất trí ly hôn và xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong Tòa giải quyết cho

vợ chồng quay về đoàn tụ để anh chị cùng xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con chung.

Về con chung anh T xác nhận: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung như chị M trình bày. Trường hợp phải ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cả 02 cháu cho đến khi đủ tuổi trưởng thành. Hiện nay anh đang làm công việc kinh doanh tự do, thu nhập bình quân khoảng 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng/tháng. Anh có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu; không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị đơn Dương Văn T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu xảy ra từ năm 2022 do chị M có quan hệ bất chính. Tuy nhiên, anh sẵn sàng tha thứ và mong muốn có thêm thời gian hàn gắn tình cảm vợ chồng, để các con được sinh sống và lớn lên trong gia đình đầy đủ, vẹn toàn; vì vậy anh đề nghị cho vợ chồng anh đoàn tụ. Trong trường hợp nếu phải ly hôn, anh sẽ đưa các con về Bắc Ninh sống và học tập.

Còn chị Chu Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cho rằng trong quá trình chung sống, anh T có hành vi bốp cổ, đánh chị và các con.

Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên đương sự không thỏa thuận được về yêu cầu ly hôn, người trực tiếp nuôi con chung nên đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Bản án số 55/2023/HNGĐ-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đã Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chu Thị M. Xử cho chị Chu Thị M được ly hôn với anh Dương Văn T.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Dương Minh T2 - sinh ngày 02/3/2007 (*Giới tính: Nữ*) và Dương Minh H – sinh ngày 30/01/2013 (*Giới tính: Nam*) cho chị Chu Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung thành niên (*đủ 18 tuổi*). Không đặt ra vấn đề đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/10/2023 anh Dương Văn T có đơn kháng cáo, với nội dung: không nhất trí đối với toàn bộ bản án sơ thẩm số 55/2023/HNGĐ-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét cho vợ chồng được đoàn tụ, để các con được sinh sống trong một gia đình có đầy đủ bố và mẹ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Dương Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cùng Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh trình bày: Hiện nay anh còn nhiều tình cảm với vợ, mong muốn chị M suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, cùng nuôi dạy con cái trưởng thành. Trong thời gian chị M được điều động công tác vào huyện Q, việc ăn học của hai con đều do anh thu xếp, chăm lo. Mâu thuẫn của vợ chồng là do xa cách mà có những hiểu lầm nhất thời, cần phải có sự trao đổi, hòa giải để vợ chồng thông cảm, bỏ qua cho nhau. Trong thời gian chung sống từ khi kết hôn anh luôn làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha, đối xử tốt với vợ con được gia đình bên vợ công nhận. Đối với các con đôi lúc có cũng nóng nảy, bực bội đánh con nhưng mục đích là giáo dục chứ không phải bạo lực gia đình. Vừa qua con trai thứ hai là Dương Minh H bị gãy tay phải đi điều trị ở Bệnh viện G tại Hà Nội, chủ yếu cũng do anh chăm sóc để vợ yên tâm công tác. Do vậy, anh mong Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ để anh cố gắng hòa giải, thu xếp những bất hòa của gia đình với mục đích vợ chồng được hoà thuận và nuôi dạy hai con trưởng thành. Anh Dương Văn T cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm những tài liệu sau:

- Quyết định số 02/QĐ-CT ngày 4/2/2024 của Giám đốc Công ty Cổ phần X tuyển dụng lao động đối với anh Dương Văn T từ ngày 01/01/2024 và Bảng thanh toán lương tháng 01/2024;

- Đơn trình bày nguyện vọng của cháu Dương Minh T2 và cháu Dương Minh H; Đơn đề nghị của bà Đàm Thị L (là mẹ đẻ của chị Chu Thị M) đều với mong muốn Tòa án xem xét, quyết định cho chị M anh T đoàn tụ.

- Giấy xác nhận của ông Hoàng Mạnh C, tổ trưởng Tổ Dân phố 10 - Phường N - Thành phố C về tình trạng hôn nhân của chị M, anh T và việc anh T thực hiện công tác thiện nguyện.

Đồng thời anh T bổ sung yêu cầu kháng cáo với nội dung: Trường hợp phải ly hôn, anh xin được nuôi 01 con chung là cháu Dương Minh H.

Nguyên đơn Chu Thị M trình bày: Chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của anh Dương Văn T. Theo chị mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hòa giải, mục đích hôn nhân không đạt

được, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Chị cũng nhất trí giao cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung cho đến tuổi trưởng thành.

Tại phần tranh luận, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Dương Văn T trình bày: Mâu thuẫn giữa 2 vợ chồng chị M anh T là do hiểu nhầm, nhưng cá nhân anh T đã nhận thấy và thành thật xin lỗi, vì vậy mong chị M suy nghĩ lại. Những người như mẹ vợ, bác gái, con gái và con trai của hai anh chị đều đề nghị cho đoàn tụ. Với những căn cứ như trên, đề nghị Hội đồng xét xử và đại diện Viện Kiểm sát chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn. Trong trường hợp phải ly hôn, thì đề nghị cho anh Dương Văn T được nuôi cháu Dương Minh H, vì anh đã có công ăn việc làm ổn định. Do ngôi nhà hiện nay được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà cho chị Chu Thị M, nên đề nghị gia đình chị M hỗ trợ kinh phí khi anh T phải đi thuê nhà ở.

Anh Dương Văn T nhất trí với quan điểm bảo vệ của Luật sư và không trình bày bổ sung.

Tại phần đối đáp, chị Chu Thị M vẫn đề nghị được ly hôn, chị xin được nuôi cả hai con và không đồng ý việc hỗ trợ tiền thuê nhà, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp phải chia con chung, chị đồng ý để cho Hội đồng xét xử quyết định cháu nào sẽ do anh T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy từ khi xét xử sơ thẩm đến nay anh Dương Văn T không đưa ra được giải pháp nào để thay đổi tình trạng của hai vợ chồng, vì vậy cần đánh giá mối quan hệ hôn nhân trong vụ án này đã ở giai đoạn trầm trọng, nên kháng cáo của bị đơn Dương Văn T về yêu cầu đoàn tụ là không có căn cứ. Tuy nhiên, xét đề nghị xin được nuôi 01 con của anh T là chính đáng, cần được chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng về phần nuôi con chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Chu Thị M khởi kiện bị đơn Dương Văn T yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

Bị đơn Dương Văn T hiện nay đang thường trú tại số nhà C tổ A phường N, thành phố C, do đó Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Ngày 29/9/2023, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tuyên bản án sơ thẩm số 55/2023/HNGĐ-ST, ngày 12/10/2023 bị đơn Dương Văn T có đơn kháng cáo gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Đơn kháng cáo được bị đơn gửi trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định.

Như vậy đơn kháng cáo là hợp lệ, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo và các căn cứ kháng cáo:

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử cho chị Chu Thị M được ly hôn với anh Dương Văn T. Giao 02 cháu Dương Minh T2 - sinh ngày 02/3/2007 (*Giới tính: Nữ*) và Dương Minh H – sinh ngày 30/01/2013 (*Giới tính: Nam*) cho chị Chu Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung thành niên (*đủ 18 tuổi*). Không đặt ra vấn đề đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Anh Dương Văn T kháng cáo không nhất trí ly hôn với chị Chu Thị M và yêu cầu được đoàn tụ, cùng chăm sóc con cái cho đến khi trưởng thành.

Hội đồng xét xử nhận định:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị M và anh Dương Văn T kết hôn vào ngày 11/4/2006 trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình. Chị M và anh T đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh T là kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

3.2. Về yêu cầu xin ly hôn của chị Chu Thị M: Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm chị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh T. Theo nguyên đơn, vợ chồng chị không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không có tiếng nói chung về quan điểm sống, cách chăm sóc, giáo dục con; mâu thuẫn tình cảm đã trầm trọng, kéo dài. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 01 năm 2022 đến nay, cả 2 thường

xuyên xảy ra cãi vã, không thể nói chuyện với nhau để hàn gắn tình cảm, chị Minh xác đ tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được. Chị cũng cho rằng mặc dù anh T kháng cáo xin được đoàn tụ, nhưng anh vẫn không thật sự tin tưởng chị, vẫn nghi ngờ và giám sát chị, không tôn trọng quyền tự do cá nhân của chị.

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, tại đơn kháng cáo và phiên tòa phúc thẩm anh T không đồng ý ly hôn, anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chỉ là những điều nhỏ nhặt, không trầm trọng, mong muốn hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ. Tại Toà phúc thẩm anh đã hứa sẽ sửa chữa lỗi lầm của mình, sẽ thay đổi bản thân để tình cảm vợ chồng được hoà hợp.

Tuy nhiên, từ những chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, có thể thấy trên thực tế chị M và anh T đã ly thân từ tháng 01 năm 2022. Trong thời gian ly thân, theo anh T trình bày bản thân anh đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng không có kết quả.

Đặc biệt là khoảng thời gian từ sau phiên tòa sơ thẩm cho đến nay, cá nhân anh Dương Văn T cũng không có biện pháp gì để thay đổi được tình trạng của hai vợ chồng. Vào dịp Tết nguyên đán Giáp Thìn 2024, mối quan hệ của 2 vợ chồng cũng không được cải thiện. Anh không có cơ hội tiếp xúc trực tiếp với chị Chu Thị M để trình bày, giảng hoà, hoá giải mâu thuẫn vợ chồng.

Mặt khác, ngay tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã phân tích, giành nhiều thời gian cho mọi người (*kể cả mẹ vợ anh T và các con của hai anh chị*) trình bày nguyện vọng, cũng như khuyên giải, đóng góp ý kiến với mục đích mong muốn các đương sự thông cảm, thấu hiểu và bỏ qua những mâu thuẫn trước đây để tiến tới việc hoà giải, đoàn tụ. Nhưng xét thấy, cả nguyên đơn và bị đơn đều giữ nguyên quan điểm của cá nhân, không thống nhất được phương pháp hoá giải những mâu thuẫn vẫn đang tồn tại, chưa tìm được tiếng nói chung để xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, yêu thương, thấu hiểu và chia sẻ.

Hội đồng xét xử xét thấy: tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Chu Thị M được chấp nhập như cấp sơ thẩm đã nhận định là có căn cứ.

3.3. Về con chung: Anh T và chị M đều xác nhận quá trình chung sống có 02 con là: Dương Minh T2 - sinh ngày 02/3/2007 (*Giới tính: Nữ*) và Dương Minh H – sinh ngày 30/01/2013 (*Giới tính: Nam*). Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Xét điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng của chị M, anh T và nguyện vọng của hai cháu:

Về thu nhập: Chị Chu Thị M đã cung cấp cho Tòa các tài liệu, chứng cứ chứng minh chị có nghề nghiệp ổn định là công chức Chi cục Thuế huyện Q, thu

nhập từ lương là 12.000.000đ/tháng. Anh Dương Văn T trình bày anh đang làm quản lý xây dựng, thu nhập bình quân 9.000.000 đồng/tháng.

Về chỗ ở: Chị M có nhà riêng tại tổ A, phường N, thành phố C. Hiện nay anh T vẫn sinh sống tại nhà của chị M; Ở C anh T không có ngôi nhà nào khác, nếu ly hôn và được quyền nuôi con thì anh T sẽ thuê nhà ở để chăm sóc và tạo điều kiện cho con vẫn tiếp tục học tập tại T.

Về ý kiến của hai cháu Dương Minh T2 và Dương Minh H: Các cháu đều trình bày về việc thỉnh thoảng bị bố đánh, mắng vô cớ và có nguyện vọng được sống cùng mẹ là chị Chu Thị M. Nhưng tại phiên toà phúc thẩm, các cháu đều mong muốn bố mẹ được đoàn tụ.

Hội đồng xét xử nhận định: Cháu Dương Minh T2 và cháu Dương Minh H đã trên 07 tuổi; Về tâm tư, nguyện vọng của các cháu đều mong muốn được mẹ là chị Chu Thị M trực tiếp chăm sóc, giáo dục trong trường hợp bố mẹ ly hôn, tuy nhiên tại phiên toà phúc thẩm các cháu thay đổi nguyện vọng. Xét thấy, chị M và anh T đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; Chị Chu Thị M cũng nhất trí cho anh Dương Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Dương Minh H. Căn cứ vào điều kiện kinh tế, công việc và thu nhập của hai bên đương sự, cũng như giới tính và độ tuổi của hai con chung, việc giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Hoàng T3; anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Minh H cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp và đảm bảo ổn định cuộc sống, sự phát triển về mặt tâm, sinh lý của các cháu.

3.4. Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

3.5. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Các bên đương sự cùng xác định tài sản chung, nợ chung, nợ riêng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về yêu cầu gia đình chị Chu Thị M hỗ trợ tiền thuê nhà cho anh Dương Văn T, xét thấy bị đơn đã có chỗ làm và thu nhập ổn định, ngôi nhà tại Tổ A, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng là do bố mẹ đẻ cho riêng chị M; mặt khác chị M cũng không nhất trí hỗ trợ việc thuê nhà cho bố con anh T, nên Hội đồng không chấp nhận đề nghị này.

Từ những phân tích và nhận định như trên, có căn cứ không chấp nhận kháng cáo đề nghị đoàn tụ của bị đơn, cần chấp nhận kháng cáo bổ sung của anh Dương Văn T về phần nuôi con chung. Sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 55/2023/HNGĐ-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, do có tình tiết mới tại phiên toà phúc thẩm.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cao Bằng tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh Dương Văn T không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật, do được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nội dung kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 2 điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Dương Văn T. Sửa bản án sơ thẩm số 55/2023/HNGĐ-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chu Thị M. Xử cho chị Chu Thị M được ly hôn với anh Dương Văn T.

- *Về con chung:*

+ Giao cháu Dương Minh T2, sinh 2/3/2007 (*giới tính: Nữ*) cho chị Chu Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên (*đủ 18 tuổi*). Không đặt ra vấn đề đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

+ Giao cháu Dương Minh H, sinh 30/01/2013 (*giới tính: Nam*) cho anh Dương Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên (*đủ 18 tuổi*). Không đặt ra vấn đề đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Thăm nom con chung sau ly hôn: Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Chu Thị M và anh Dương Văn T đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

2. Về án phí:

- *Về án phí sơ thẩm:* Nguyên đơn Chu Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003433 ngày 05 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận chị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- *Về án phí phúc thẩm:* Bị đơn Dương Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Anh Dương Văn T được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002111 ngày 16 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh CB;
- TANDTP CB;
- Chi cục THADS TPCB;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thu Giang